

Bản án số: 100/2022/HS-ST
Ngày: 28-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hồng Hải

Bà Trần Nguyệt Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành – Thư ký
Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Đầu- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2022/TLST-
HS ngày 11 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:
125/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Mai Ngọc A, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1962 tại: Thành phố Hồ Chí Minh;
giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2809 đường H, Phường B, Quận
T, Thành phố Hồ Chí Minh (đã xóa hộ khẩu thường trú năm 2009); Ở: 16A/8
Khu phố N, phường T, Thành phố A, tỉnh D; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; Học
vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Văn N; con bà: Vũ
Thị H; Có vợ Đỗ Thị Kim L (đã ly hôn); sống chung với bà Vương Thị Thúy L1
(không có đăng ký kết hôn); Có 05 người con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất
sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/05/2022 (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1957; Nơi cư trú: 015 Lô B chung cư H,
Phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Vương Thị Thúy L,
sinh năm: 1974; Nơi cư trú: 16A/8 Khu phố N, phường T, thành phố A, tỉnh D
(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1995, Mai Ngọc A giữ chức vụ Đội trưởng Đội thi công Xí nghiệp xây lắp số 1 thuộc Công ty vật liệu và xây dựng - Sở nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh. Mai Ngọc A được giao nhiệm vụ tổ chức thi công (theo hình thức hợp đồng khoán gọn công trình) các công trình tại lô E, lô G chung cư Xóm Cải, Phường 8, Quận 5 và lô G chung cư Hùng Vương, Phường 11, Quận 5. Trong thời gian từ năm 1995 đến 1997, Anh đã thực hiện giao dịch với ông Lê Thành T, A nhiều lần mua vật liệu xây dựng (đá 1x2cm, gạch bông, gạch len) với tổng số tiền 148.631.800 đồng (có ký giấy xác nhận) để thi công các hạng mục của các công trình nói trên. Ngày 10/3/1997, A đã trả cho ông T được 45.000.000 đồng, còn nợ lại 103.631.800 đồng và A hẹn sẽ trả sau. Tuy nhiên, trong quá trình thi công các công trình, A đã sử dụng nguồn kinh phí không hợp lý dẫn đến công trình bị thua lỗ không còn tiền thanh toán tiền vật liệu xây dựng cho ông T. Anh nghỉ làm việc tại Xí nghiệp xây lắp số 1 thuộc Công ty vật liệu và xây dựng-Sở nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh và bỏ địa phương đi làm công ở nhiều nơi.

Ngày 29/11/2000, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can đối với Mai Ngọc A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 24/5/2022 Mai Ngọc A bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 bắt giữ theo Quyết định truy nã tại nhà số 16A/8 Khu phố N, phường T, thành phố A, tỉnh D.

Tại Cơ quan điều tra Mai Ngọc A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã nêu trên. Bản thân A được giao nhiệm vụ tổ chức thi công các công trình; trong quá trình thực hiện đã sử dụng nguồn kinh phí được cấp không hợp lý dẫn đến việc công trình thi công bị thua lỗ, không còn tiền thanh toán tiền vật liệu xây dựng nên A đã tự ý nghỉ làm, cắt liên hệ với ông T chiếm đoạt số tiền 103.631.800 đồng và bỏ trốn khỏi địa phương. Đến năm 2000, A sống chung như vợ chồng với bà Vương Thị Thúy L1 và đi làm ở nhiều nơi. Năm 2017, về cư trú và sinh sống tại nhà số 16A/8 khu phố N, phường T, thành phố A, tỉnh D.

Ông Lê Thanh T trình bày: Thông qua mối quan hệ ngoài xã hội, ông T quen biết với Mai Ngọc A. Từ năm 1995 đến năm 1997, ông T có cung cấp vật liệu xây dựng cho A để thi công các công trình xây dựng tại lô E, lô G chung cư Xóm Cải Phường 8, Quận 5 và lô G chung cư Hùng Vương, Phường 11, Quận 5 với tổng số tiền 148.631.800 đồng. Khi giao vật liệu, A chịu trách nhiệm kiểm tra và ký xác nhận rồi sẽ thanh toán tiền sau. Tuy nhiên, A chỉ thanh toán được cho ông T 45.000.000 đồng, còn nợ lại 103.631.800 đồng (có ký giấy xác nhận khi đã đối chiếu tiền nợ). Ông T nhiều lần đến công trình gặp A yêu cầu trả số tiền còn nợ nhưng A hứa hẹn rồi không trả. Sau đó, A bỏ trốn không liên lạc được nên ông T làm đơn tố giác Mai Ngọc A gửi Công an Quận 5.

Xác minh tại Công an Phường M, quận B được biết: Ông Vũ Công N (sinh năm: 1953, hộ khẩu thường trú: 337/2/8 đường S, Phường M, quận B, nguyên là Giám đốc Xí nghiệp xây lắp số 1) hiện đang định cư tại Mỹ. Căn cứ lời khai ban đầu của ông N như sau: Từ năm 1994 đến 1995, Công ty vật liệu xây dựng- Sở

nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh có giao nhiệm vụ cho Xí nghiệp xây lắp số 1 thi công xây dựng 02 công trình (lô E, lô G chung cư Xóm Cải, Phường 8, Quận 5 và lô G chung cư Hùng Vương, Phường 11, Quận 5). Sau khi tiếp nhận công trình, ông N đã bàn giao 02 công trình nói trên cho Đội thi công do Mai Ngọc A chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức thi công (theo hình thức hợp đồng khoán gọn công trình). Xí nghiệp đã thanh toán đầy đủ kinh phí. Đội thi công của A thực hiện thi công và hoàn công đối với công trình lô E, lô G chung cư Xóm Cải, Phường 8, Quận 5. Riêng công trình lô G chung cư Hùng Vương, Phường 11, Quận 5 thi công được xong phần nền móng thì A bị vỡ nợ, không thanh toán tiền vật liệu xây dựng đã mua, mà tự ý nghỉ việc. Xí nghiệp đã liên lạc yêu cầu đến quyết toán nhưng A không chấp hành. Do đó, Xí nghiệp bàn giao công trình lô G chung cư Hùng Vương, Phường 11, Quận 5 cho đơn vị khác tiếp tục thi công phần còn lại.

Bà Vương Thị Thúy L trình bày: Bà L sống chung như vợ chồng với Mai Ngọc A từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn và có 02 con chung với nhau tên Vương Mai Thúy Ngọc (sinh năm: 2004) và Vương Mai Ngọc Tú, (sinh năm: 2008) cùng cư trú tại nhà số 16A/8 KP N, phường T, thành phố A, tỉnh D. Bản thân bà L không biết việc A bị truy nã. Trong quá trình điều tra, bà L đã giao nộp số tài liệu có liên quan đến việc Mai Ngọc A được phân công giao nhiệm vụ thực hiện các công trình như trên.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc Công ty vật liệu và xây dựng số: 15/QĐ.3 đề ngày 23/01/1995 (bản chính); 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc Công ty vật liệu và xây dựng số: 16/QĐ.3 đề ngày 23/01/1995 (bản chính); 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc xí nghiệp xây lắp 1 số: 03/XL1. QĐ94 đề ngày 28/10/1994 (bản chính); 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc Công ty vật liệu và xây dựng số: 180/QĐ ngày 16/10/1995 (bản chính); 01 (một) Hợp đồng Khoán gọn thi công số: 05/XL1-94 (bản photo); 01 (một) Hợp đồng thi Công số: 18/CTVLXD công trình lô G chung cư Hùng Vương Quận 5 (bản photo); 01 (một) Bảng thuyết trình hỗ trợ vốn do chênh lệch giá xi măng lô G chung cư Hùng Vương, Quận 5 (bản photo).

Về phần dân sự: Bà Vương Thị Thúy L đã thỏa thuận bồi thường cho ông Lê Thanh T 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Ông T không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Mai Ngọc A.

Bản cáo trạng số: 71/CT-VKS ngày 29/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Mai Ngọc A về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Mai Ngọc A về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Mai Ngọc A với mức án từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù. Về

trách nhiệm dân sự: Ông T không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo Mai Ngọc A không có ý kiến bào chữa, không tranh luận và nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra không còn ý kiến tranh luận nào khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 5, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, bị cáo Mai Ngọc A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Mai Ngọc A đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Lê Thành T bằng cách A đã nhiều lần mua vật liệu xây dựng của ông T với tổng số tiền 148.631.800 đồng. Ngày 10/3/1997 Mai Ngọc A trả cho ông T số tiền 45.000.000 đồng, còn nợ lại 103.631.800 đồng. Do mất khả năng thanh toán tiền còn lại cho ông T nên Ánh bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền 103.631.800 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Mai Ngọc A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999 (được sửa, đổi bổ sung năm 2009).

Do hành vi của bị cáo thực hiện năm 1997 có đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1985, có mức hình phạt từ 03 năm đến 12 năm tù cao hơn mức hình phạt của tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999 (được sửa, đổi bổ sung năm 2009) có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù; và cao hơn tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định điểm c Khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa, đổi bổ sung năm 2017), có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Nên khi xét xử sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật hình năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xét xử đối với bị cáo.

Đối với các quy định về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, căn cứ quyết định hình phạt và xử lý vật chứng thì áp dụng các quy định pháp luật hiện hành theo hướng có lợi cho bị cáo.

Xét bị cáo là người trưởng thành, biết hành vi lạm dụng sự tín nhiệm của bị hại để chiếm đoạt toàn bộ số tiền còn thiếu nợ là vi phạm pháp luật, bản thân vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; nhằm mục đích giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động bà Vương Thị Thúy L (là người sống chung như vợ chồng với bị cáo) thỏa thuận, bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự; trong thời gian dài bị cáo lần trốn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật, không có hành vi phạm tội và đã chăm lo làm ăn, cải tạo thành người có ích cho xã hội. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù với một thời gian nhất định để có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc Công ty vật liệu và xây dựng số: 15/QĐ.3 đề ngày 23/01/1995 (bản chính); 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc Công ty vật liệu và xây dựng số: 16/QĐ.3 đề ngày 23/01/1995 (bản chính); 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc xí nghiệp xây lắp 1 số: 03/XL1. QĐ94 đề ngày 28/10/1994 (bản chính); 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc Công ty vật liệu và xây dựng số: 180/QĐ ngày 16/10/1995 (bản chính); 01 (một) Hợp đồng Khoán gọn thi công số: 05/XL1-94 (bản photo); 01 (một) Hợp đồng thi Công số: 18/CTVLXD công trình lô G chung cư Hùng Vương Quận 5 (bản photo); 01 (một) Bảng thuyết trình hỗ trợ vốn do chênh lệch giá xi măng lô G chung cư Hùng Vương, Quận 5 (bản photo). Xét đây là giấy tờ, tài liệu cá nhân của bị cáo Mai Ngọc A liên quan tới việc thi công công trình tại lô E, lô G chung cư Xóm Cải, Phường 8, Quận 5 và lô G chung cư Hùng Vương, Phường 11, Quận 5 và được Cơ quan Cảnh sát điều tra

thu thập đưa vào các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án và được đánh bút lục theo quy định nên tiếp tục lưu các tài liệu chứng cứ trên theo hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Thanh T đã nhận được số tiền bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d Khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Mai Ngọc A 02 (hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/05/2022.

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc Công ty vật liệu và xây dựng số: 15/QĐ.3 đề ngày 23/01/1995(bản chính); 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc Công ty vật liệu và xây dựng số: 16/QĐ.3 đề ngày 23/01/1995 (bản chính); 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc xí nghiệp xây lắp 1 số: 03/XL1. QĐ94 đề ngày 28/10/1994 (bản chính); 01 (một) Quyết định phân công của Giám đốc Công ty vật liệu và xây dựng số:180/QĐ ngày 16/10/1995 (bản chính); 01 (một) Hợp đồng Khoán gọn thi công số: 05/XL1-94 (bản photo); 01 (một) Hợp đồng thi Công số: 18/CTVLXD công trình lô G chung cư Hùng Vương Quận 5 (bản photo); 01 (một) Bảng thuyết trình hỗ trợ vốn do chênh lệch giá xi măng lô G chung cư Hùng Vương, Quận 5 (bản photo).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Sở Tư pháp TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Cơ quan CSĐT Công an Quận 5;
- Bộ phận THA HS Tòa án Quận 5;
- Phòng PV 06 – Công an TPHCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Tiền